

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B1OLV** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02073** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục QP - An ninh**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801011205	Đặng Văn Bé Ba	30/04/1989		10	6	9.0			9.4		9.0
2	2253801011206	Lê Bình Chiến	10/04/1990		8	8	7.5			4.4		5.7
3	2253801011207	Trần Ngọc Diên	17/01/1984		7	8	8.5			7.6		7.8
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng Giang	12/12/1993		9	8	9.5			9.0		9.0
5	2253801011209	Trần Nhật Hào	17/10/1999		8	7	8.0			9.4		8.7
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	12/03/1987		9	7	8.5			9.4		8.9
7	2253801011211	Trần Công Hậu	19/01/1991		8	9	8.5			8.6		8.6
8	2253801011212	Nguyễn Văn Hết	18/04/1979		7	6	7.0			3.2		4.6
9	2253801011213	Kha Văn Hòa	08/04/1971		9	7	8.5			8.8		8.6
10	2253801011214	Mai Thanh Hoàng	01/01/1982		9	8	9.0			5.2		6.6
11	2253801011215	Nguyễn Thị Huệ	20/11/1992		8	9	9.0			9.0		8.9
12	2253801011216	Nguyễn Văn Kiệt	29/08/1996		9	7	9.5			0.0		3.5
13	2253801011217	Huỳnh Văn Khải	02/08/1992		8	7	9.0			9.0		8.7
14	2253801011218	Trần Thị Liên	23/04/1992		7	9	8.5			8.8		8.6
15	2253801011219	Phan Thị Liễu	10/01/1984		7	8	9.0			8.6		8.5
16	2253801011220	Nguyễn Huy Long	02/03/1988		6	8	9.5			9.6		9.1
17	2253801011221	Trần Văn Ngà	30/04/1989		10	8	9.0			9.8		9.5
18	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo Ngân	28/12/1993		6	8	9.0			9.8		9.1
19	2253801011223	Nguyễn Thế Phong	15/09/2000		10	7	8.5			0.0		3.4
20	2253801011224	Huỳnh Trọng Phúc	19/06/2004		9	7	9.0			0.0		3.4
21	2253801011225	Lê Văn Quý	21/09/1974		7	9	9.0			2.0		4.6
22	2253801011226	Trần Hữu Sang	19/01/1989		6	8	8.5			9.2		8.6

Châu Đốc, ngày 25 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thanh Chương